TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2019/KDTM-ST
Ngày: 24-4-2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trọng Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thiện;
2. Ông Hồ Tấn Tài.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Cảnh Khang, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Hiền, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Thuận An xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 44/2018/TLST- KDTM ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ xây dựng ĐHP; địa chỉ: Tầng M, Tòa nhà R, số X NĐC, phường ĐK, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông THB – Chủ tịch hội đồng thành viên. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần thương mại và xây dựng ĐN; địa chỉ: ABC, Làng chuyên gia OS, đường D, phường AP, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương; địa chỉ mới: B đường G, KDC VS, phường AP, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Thái Nguyên T, chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Giám đốc; vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 22/10/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn do ông THB đại diện trình bày:

Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ xây dựng ĐHP (Sau đây gọi là nguyên đơn) và Công ty Cổ phần thương mại và xây dựng ĐN (Sau đây gọi là bị đơn) có hoạt động mua bán hàng hóa là sơn, hàng được giao tại công trình xây dựng Công ty F Long An, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Quá trình mua bán, nguyên đơn đã giao hàng cho bị đơn với tổng giá trị phải thanh toán là 365.459.050đ (Ba trăm sáu mươi lăm triệu, bốn trăm năm mươi chín nghìn, không trăm năm mươi đồng). Sau khi nhận hàng và hóa đơn, bị đơn có chuyển khoản, thanh toán cho nguyên đơn được 02 lần vào các ngày 23/11/2017 và 18/12/2017, mỗi lần thanh toán số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) còn nợ 165.459.050đ (Một trăm sáu mươi lăm triệu, bốn trăm năm mươi chín nghìn, không trăm năm mươi đồng). Nguyên đơn nhiều lần liên hệ qua điện thoại và gửi công văn nhắc nợ nhưng bị đơn không thanh toán. Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số nợ còn lại và lãi chậm trả theo lãi suất 1%/ngày, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền mua hàng chưa trả 165.459.050đ (Một trăm sáu mươi lăm triệu, bốn trăm năm mươi chín nghìn, không trăm năm mươi đồng) nhưng có thay đổi về lãi suất chậm trả, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi do bị đơn chậm thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường theo quy định của pháp luật tính từ ngày 10/4/2018 đến khi xét xử sơ thẩm.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập người đại diện theo pháp luật của bị đơn để làm việc nhưng bị đơn không chấp hành và không có phản hồi gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An phát biểu: Về tố tụng, quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi kết thúc tranh luận Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự không bị hạn chế quyền khi tham gia tố tụng; bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt là tự từ bỏ quyền tranh tụng của mình nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ do mua hàng chưa thanh toán; ngày 25/7/2018, bị đơn có Công văn về việc hẹn ngày thanh toán nhưng không thực hiện. Giữa hai bên có làm bảng đối chiếu công nợ, có đóng dấu của bị đơn nhưng không xác định được người ký tên. Tuy nhiên, theo chứng cứ do nguyên đơn cung cấp lại phiên tòa xác định bị đơn đã 02 lần chuyển khoản trả nợ cho nguyên đơn đúng với số tiền nguyên đơn trình bày. Do đó, có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là vụ án tranh chấp về hợp

đồng mua bán hàng hóa, tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã Thuận An theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn bán hàng là sơn cho bị đơn, hàng giao tại công trình xây dựng Công ty F Long An, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Tổng giá trị hàng hóa hai bên mua bán là 365.459.050đ (Ba trăm sáu mươi lăm triệu, bốn trăm năm mươi chín nghìn, không trăm năm mươi đồng). Tuy nhiên, bị đơn mới chuyển khoản qua ngân hàng để trả cho nguyên đơn được 02 lần vào các ngày 23/11/2017 và 18/12/2017, mỗi lần trả số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), còn nợ 165.459.050đ (Một trăm sáu mươi lăm triệu, bốn trăm năm mươi chín nghìn, không trăm năm mươi đồng) sau đó không trả số tiền còn lại. Ngày 25/7/2018, bị đơn có công văn hẹn ngày thanh toán nhưng đến nay chưa thực hiện.

Trình bày về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với chứng cứ đã cung cấp. Do đó, có căn cứ xác định bị đơn còn nợ tiền mua sơn của nguyên đơn, việc bị đơn không trả số tiền còn nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên mua quy định tại Điều 50, 55 của Luật Thương mại, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền mua hàng chưa trả là có căn cứ. Quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác nhận bị đơn đã thanh toán được số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Sự thừa nhận của nguyên đơn phù hợp với bảng sao kê của Ngân hàng TMCP Á Châu về việc bị đơn chuyển khoản, thanh toán cho nguyên đơn vào các ngày 23/11/2017 và 18/12/2017. Vì vậy, có căn cứ xác định hiện bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 165.459.050đ (Một trăm sáu mươi lăm triệu, bốn trăm năm mươi chín nghìn, không trăm năm mươi đồng) nhưng chưa trả, cần buộc bị đơn trả số tiền này cho nguyên đơn.

[3] Về thời điểm bắt đầu tính lãi:

Nguyên đơn đã giao hàng cho bị đơn, xuất nhiều hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn, ngày cuối cùng nguyên đơn xuất hóa đơn cho bị đơn là ngày 12/3/2018; hai bên đã lập bảng đối chiếu công nợ; ngày 25/7/2018, bị đơn có công văn hẹn ngày thanh toán; trước đó, ngày 02/4/2018, nguyên đơn có công văn yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ còn lại chậm nhất vào ngày 10/4/2018 nhưng bị đơn không thực hiện. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi do chậm trả từ ngày 10/4/2018 đến khi xét xử sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về thời gian tính lãi, lãi suất và số tiền lãi chậm trả:

Căn cứ quy định tại Điều 306 của Luật thương mại, bị đơn là bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán thì còn phải chịu lãi theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường. Theo biên bản xác minh của Tòa án tại Ngân hàng Nông nghiệp & phát triển nông thôn, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường hiện nay là 15,7%/năm, hay 1,308%/tháng, hay 0,044%/ngày. Từ

ngày 10/4/2018 (Ngày nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi) cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 12 tháng 08 ngày. Vì vậy, số tiền lãi chậm trả bị đơn phải thanh toán là: (165.459.050đ x 15,7%) + [(165.459.050đ x 0,044%) x 08 ngày)] = 25.977.070đ + 582.408đ = 26.559.478đ (Hai mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi chín nghìn, bốn trăm bảy tám đồng).

Tổng số tiền nợ gốc và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 165.459.050đ + 26.559.478đ = 192.018.528đ (Một trăm chín hai triệu, không trăm mười tám nghìn, năm trăm hai tám đồng).

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn; bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 24, 50, 55 và 306 của Luật Thương mại;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ xây dựng ĐHP đối với Công ty Cổ phần thương mại và xây dựng ĐN về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty Cổ phần thương mại và xây dựng ĐN phải thanh toán cho Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ xây dựng ĐHP số tiền 192.018.528đ (Một trăm chín hai triệu, không trăm mười tám nghìn, năm trăm hai tám đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ xây dựng ĐHP có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần thương mại và xây dựng ĐN chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải trả thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thanh toán.

2. Về án phí:

Trả lại cho Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ xây dựng ĐHP số tiền 13.251.215 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0024544 ngày 29/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Công ty Cổ phần thương mại và xây dựng ĐN phải chịu 9.600.926 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

Vũ Trọng Quân